

BÁO CÁO THUYẾT MINH PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM

(Kèm theo Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Phương án trình phân bổ kinh phí tại Tờ trình số 25/TTr-UBND	Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Kinh phí sau điều chỉnh
A	B	1	2	3 = 1 + 2
	TỔNG CỘNG	70.673.735.169	-4.608.809.000	66.064.926.169
I	Nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2024	17.652.400.000		17.652.400.000
	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số mới năm 2024</i>	<i>17.652.400.000</i>	<i>0</i>	<i>17.652.400.000</i>
-	Sở Thông tin và Truyền thông	700.000.000		700.000.000
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	5.254.200.000		5.254.200.000
-	Công an tỉnh	4.456.200.000		4.456.200.000
-	Sở Công Thương	77.000.000		77.000.000
-	Sở Nội vụ	4.165.000.000		4.165.000.000
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.000.000.000		3.000.000.000
II	Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2024		77.740.000	77.740.000
	Kinh phí tổ chức lớp Bồi dưỡng kiến thức dành cho cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030		77.740.000	77.740.000
-	Văn phòng Tỉnh ủy		77.740.000	77.740.000
III	Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các CTMTQG	18.968.217.169		18.968.217.169
1	Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững đã thu hồi về kết dư ngân sách tỉnh	1.663.391.169		1.663.391.169
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	158.900.000		158.900.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	94.600.000		94.600.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	261.600.000		261.600.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	204.200.000		204.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	246.200.000		246.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	149.800.000		149.800.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	169.200.000		169.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	163.400.000		163.400.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	215.491.169		215.491.169
2	Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã thu hồi về ngân sách tỉnh	15.106.826.000		15.106.826.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	34.736.000		34.736.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	1.981.791.000		1.981.791.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	2.464.447.000		2.464.447.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	1.826.185.000		1.826.185.000

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Phương án trình phân bổ kinh phí tại Tờ trình số 25/TTr-UBND	Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Kinh phí sau điều chỉnh
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	1.975.174.000		1.975.174.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	2.067.050.000		2.067.050.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	1.896.670.000		1.896.670.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	2.860.773.000		2.860.773.000
3	Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	2.198.000.000		2.198.000.000
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	248.000.000		248.000.000
-	Sở Nội vụ	325.000.000		325.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	410.000.000		410.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	415.000.000		415.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	380.000.000		380.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	240.000.000		240.000.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	180.000.000		180.000.000
IV	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023 chuyển sang năm 2024.	3.114.300.000		3.114.300.000
	<i>Kinh phí thực hiện các mô hình hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm</i>	3.114.300.000		3.114.300.000
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	103.300.000		103.300.000
-	Sở Khoa học và Công nghệ	671.700.000		671.700.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	1.014.200.000		1.014.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	587.900.000		587.900.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	737.200.000		737.200.000
V	Nguồn cải cách tiền lương năm 2024	30.938.818.000	-4.686.549.000	26.252.269.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	98.514.000	373.484.000	471.998.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	98.514.000	318.128.000	416.642.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông		55.356.000	55.356.000
2	Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế	1.152.304.000	754.967.000	1.907.271.000
-	Sở Y tế		180.274.000	180.274.000
-	Ban Dân tộc tỉnh	177.311.000		177.311.000
-	Ban quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	206.595.000		206.595.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	134.108.000		134.108.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	160.124.000		160.124.000

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Phương án trình phân bổ kinh phí tại Tờ trình số 25/TTr-UBND	Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Kinh phí sau điều chỉnh
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Ri	336.358.000	133.571.000	469.929.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	137.808.000	189.466.000	327.274.000
	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn		251.656.000	251.656.000
3	Kinh phí thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	29.688.000.000	-5.815.000.000	23.873.000.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	2.734.000.000	-527.000.000	2.207.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	2.668.000.000	-625.000.000	2.043.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	3.754.000.000	-688.000.000	3.066.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	5.250.000.000	-1.022.000.000	4.228.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Ri	5.474.000.000	-1.000.000.000	4.474.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	3.117.000.000	-639.000.000	2.478.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	4.147.000.000	-806.000.000	3.341.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	2.544.000.000	-508.000.000	2.036.000.000

M 2024 (BỔ SUNG LẦN 1)

Đơn vị tính: đồng

Ghi chú
Bổ sung kinh phí tổ chức lớp Bồi dưỡng kiến thức dành cho cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 còn thiếu

Ghi chú

Bổ sung kinh phí chi trả cho đối tượng được phê duyệt kinh phí hưởng chính sách tại Quyết định số 1234/QĐ/TU ngày 22/2/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bổ sung kinh phí chi trả cho đối tượng được phê duyệt kinh phí hưởng chính sách tại Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh

Bổ sung kinh phí chi trả cho đối tượng được phê duyệt kinh phí hưởng chính sách tại Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND

Ghi chú
tỉnh
Giảm kinh phí của các địa phương do giảm 02 chức danh thuộc đối tượng hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở mỗi thôn, tổ dân phố, gồm chức danh Chi hội trưởng Hội khuyến học và Chi hội trưởng Hội Chữ thập đỏ